

KT3-00901AKL3/1

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

22/05/2023

Trang/ Page

01/02

- Phương tiện đo/ Object : **QUẢ CÂN**
WEIGHT
- Nhà sản xuất/ MFR : **METTLER TOLEDO**
- Kiểu/ Type : **Không hốc điều chỉnh** SN: 11119465 ID: TB-087
Non adjusting cavity
- Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications **Khối lượng danh nghĩa/ Nominal mass : 2 kg**
Số lượng quả/ Quantity of weights : 01 quả
Vật liệu/ Material : Thép không gỉ/ Stainless steel
- Khách hàng:
Customer **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**
Phòng 406, Tầng 4, Tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, P. Tương Mai,
Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
- Nơi hiệu chuẩn:
Place of Calibration **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**
7 Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
- Phương pháp hiệu chuẩn:
Method of Calibration **QTHC/ KT3 20:2022**
Weights of accuracy class E2, F1, F2 & M - Calibration Procedure

8. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
KL1112	Standard Weights E2	06/2022	06/2024	LNE-FRANCE

- Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment : **[23,0 ± 0,5] °C** **[50 ± 5] %RH** **[1000 ± 10] hPa**
- Hiệu chỉnh/ Adjustment : **Không / No**
- Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration : **18/05/2023**
- Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label : **KT3-00901AKL3/1**
- Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: **N/A**
Recalibration Date as request of Customer

TL. TRƯỞNG PDL KHỐI LƯỢNG
PP. HEAD OF MASS MEASUREMENT LAB.



Trương Nguyễn Phương Thảo

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
HEAD OF LAB.



Nguyễn Tân Tùng

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration

N/A: không áp dụng.
Not applicable

KT3-00901AKL3/1

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

22/05/2023

Trang/ Page

02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration

Khối lượng danh nghĩa, <i>Nominal mass</i>	Khối lượng qui ước, <i>Conventional mass</i>	Sai lệch, <i>Difference</i> mg	Độ KĐBĐ, <i>Uncertainty</i> mg	Cấp chính xác, <i>Accuracy Class</i>
2 kg	2 000,003 g	3	3	F1

15. Thông tin khác/ Other Informations

a. Các giá trị có đơn vị không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above document.

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.

Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7 only.

c. Phương tiện đo được hiệu chuẩn bằng cách so sánh trực tiếp với các chuẩn của Trung tâm Kỹ thuật 3 được nêu tại mục 8.

The equipment under calibration was calibrated by direct comparison with standards of Quatest 3 as description at Item 8.

d. Cấp chính xác được xác định theo mục 5, OIML R 111:2004.

Accuracy class is determined according to Item 5, OIML R 111:2004